

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị N; ĐKTT: Thôn S, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; Nơi ở: Thôn 1, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H; Nơi cư trú: Thôn S, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lương Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 09 tháng 10 năm 2014. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình bố, mẹ đẻ anh H ở thôn S, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H chơi cờ bạc,

lô đề ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Chị có góp ý nhưng anh H không tiếp thu sửa chữa nên vợ chồng thường xuyên xảy cãi vã xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên nội, ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng, nên từ năm 2020 đến nay chị đã thuê nhà ở riêng ở thôn 1, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng. Từ khi chị bỏ đi đến nay, anh H không đến tìm chị, chị cũng không lần nào về cư trú cùng anh H, chị và anh H sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn H có một con chung là Phạm Hoàng K, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2015. Từ khi chị bỏ đi đến nay, con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 27 tháng 3 năm 2024, bị đơn là anh Phạm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn của anh và chị Lương Thị N theo như lời khai chị N đã khai là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã, xúc phạm nhau. Từ năm 2021 đến nay, chị N đã bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở riêng, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N xin ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Lương Thị N có một con chung theo như chị N đã khai là đúng, từ khi chị N bỏ đi đến nay, con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Về nội dung*: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lương Thị N được ly hôn anh Phạm Văn H; Giao con chung Phạm Hoàng K, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2015 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lương Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn H. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn H hiện đang cư trú tại thôn S, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị N và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09 tháng 10 năm 2014, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.1] Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Lương Thị N và anh Phạm Văn H đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên có xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, hai bên đã cư trú mỗi người một nơi từ năm 2020 đến nay không quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị Lương Thị N và anh Phạm Văn H là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lương Thị N được ly hôn anh Phạm Văn H.

[4] Về con chung: Chị Lương Thị N và anh Phạm Văn H có một con chung là Phạm Hoàng K, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2015, hiện tại con chung do chị N nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại chị N buôn bán nhỏ còn anh H là tổ trưởng làm việc tại khu công nghiệp Vsips nên chị N và anh H đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung. Chị N và anh H đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, con chung Phạm Hoàng K chung sống với chị N đã ổn định và có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, quan điểm của chị N và anh

H là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị N và anh Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về tài sản chung: Chị Lương Thị N và anh Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Lương Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị N và anh Phạm Văn H được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị N được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Hoàng K, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2015 cho chị Lương Thị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị N và anh Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Chị Lương Thị N và anh Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009809 ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Lương Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H Thủy Nguyên;
- UBND xã A, H T, HP (ĐKKH ngày 09 tháng 10 năm 2014);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

